

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22820801] - Chuyên đề thực tế tại
doanh nghiệp (Nhiệt lạnh) (CCQ2218A)
CBGD: Vũ Đình Nhường (280019)

Số SV có mặt: 43
Số bài thi: 43
Số tờ giấy thi: 43

Ưn Rũl Đỗ Quang Huy Nhường Đỗ Quang Huy

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122180006	Cao Ngọc Cường		21/04/2003	CCQ2218A		Cường	9.0	8.0	8.4
2	2122180057	Võ Trương Đông		01/01/2004	CCQ2218B		Đông	9.0	9.0	9.0
3	2122180051	Nguyễn Tùng Dương		20/11/2004	CCQ2218B		Dương	8.0	8.0	8.0
4	2122180047	Phan Phú Gia		26/12/2002	CCQ2218B		Gia	9.0	8.0	8.4
5	2122180052	Trần Văn Giang		08/03/2004	CCQ2218B		Giang	9.5	9.0	9.2
6	2122180021	Lê Hoàng Phúc Hậu		19/03/2004	CCQ2218A		Hậu	8.0	8.0	8.0
7	2122180008	Nguyễn Xuân Hiệp		09/07/2004	CCQ2218A		Hiệp	8.0	7.0	7.4
8	2122180016	Huỳnh Bảo Hưng		17/09/2004	CCQ2218A		Hưng	9.0	9.0	9.0
9	2122180065	Nguyễn Nhất Huy		26/11/2003	CCQ2218B		Huy	9.0	9.0	9.0
10	2122180020	Nguyễn Huỳnh		10/05/2004	CCQ2218A		Huỳnh	8.0	8.0	8.0
11	2122180034	Nguyễn Thái Khên		29/08/2003	CCQ2218A		Khên	8.0	9.0	8.6
12	2122180041	Nguyễn Hoàng Khôi		08/03/2004	CCQ2218B		Khôi	9.0	8.5	8.7
13	2122180062	Nguyễn Hữu Kiên		09/11/2003	CCQ2218B		Kiên	9.5	9.5	9.5
14	2122180042	Nguyễn Huỳnh Tuấn Kiệt		23/03/2004	CCQ2218B		Kiệt	9.5	9.0	9.2
15	2122180012	Phạm Minh Kiệt		01/06/2004	CCQ2218A		Kiệt	8.5	8.5	8.5
16	2122180060	Trần Quốc Kiệt		07/12/2004	CCQ2218B		Kiệt	8.0	8.0	8.0
17	2122180004	Nguyễn Khánh Linh		03/07/2004	CCQ2218A		Linh	10.0	8.0	8.8
18	2122180002	Nguyễn Phương Nam		18/06/2003	CCQ2218A		Nam	10.0	9.0	9.4
19	2122180054	Trần Văn Nam		03/08/2004	CCQ2218B		Nam	9.5	8.5	8.9
20	2122180053	Nguyễn Tấn Nghia		18/12/2003	CCQ2218B		Nghia	8.0	8.0	8.0
21	2122180013	Nguyễn Văn Nghia		27/05/2004	CCQ2218A		Nghia	7.0	7.0	7.0
22	2122180037	Phạm Văn Nhon		05/11/2004	CCQ2218B		Nhon	9.5	8.5	8.9
23	2122180025	Nguyễn Trung Nhuận		08/12/2004	CCQ2218A		Nhuận	10.0	9.0	9.4
24	2122180003	Nguyễn Minh Nhựt		28/10/2004	CCQ2218A		Nhựt	9.0	9.0	9.0
25	2122180028	Nguyễn Dương Tấn Phát		05/02/2004	CCQ2218A		Phát	10.0	8.0	8.8
26	2122180014	Trần Thanh Phong		17/03/2004	CCQ2218A		Phong	9.0	9.0	9.0
27	2122180009	Phạm Tấn Sinh		15/07/2004	CCQ2218A		Sinh	10.0	9.0	9.4
28	2122180001	Phạm Huỳnh Nhật Tân		15/10/2000	CCQ2218A		Tân	10.0	8.5	9.1

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22820801] - Chuyên đề thực tế tại
doanh nghiệp (Nhiệt lạnh) (CCQ2218A)
CBGD: Vũ Đình Nhường (280019)

Số SV có mặt: 43...
Số bài thi: ...43...
Số tờ giấy thi: 43..

(Handwritten signatures of examiners and supervisors)

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2122180048	Võ Văn Thiên	12/08/2004	CCQ2218B		<i>Thiên</i>	9.0	8.5	8.7
30	2122180064	Bùi Ngọc Thiện	04/10/2004	CCQ2218B		<i>Thiện</i>	9.0	9.0	9.0
31	2122180046	Nguyễn Văn Thiệt	13/11/2004	CCQ2218B		<i>Thiệt</i>	10.0	9.0	9.4
32	2122180035	Phạm Đình Tiến	30/03/2004	CCQ2218B		<i>Tiến</i>	10.0	8.5	9.1
33	2122180039	Trần Văn Tiến	05/11/2004	CCQ2218B		<i>Tiến</i>	8.0	9.0	8.6
34	2122180049	Lê Văn Tính	29/12/2004	CCQ2218B		<i>Tính</i>	7.0	8.0	7.6
35	2122180030	Huỳnh Minh Toàn	20/10/2004	CCQ2218A		<i>Toàn</i>	9.0	9.0	9.0
36	2122180055	Nguyễn Tấn Trung	16/07/2004	CCQ2218B		<i>Trung</i>	10.0	9.0	9.4
37	2122180038	Nguyễn Đình Trường	01/10/2004	CCQ2218B		<i>Trường</i>	8.0	8.0	8.0
38	2122180010	Hà Hữu Truyền	13/05/2002	CCQ2218A		<i>Truyền</i>	10.0	9.0	9.4
39	2122180022	Nguyễn Hoàng Tú	26/02/2004	CCQ2218A		<i>Tú</i>	8.5	8.5	8.5
40	2122180059	Báo Văn Anh Tuấn	22/06/2004	CCQ2218B		<i>Tuấn</i>	9.0	9.0	9.0
41	2122180018	Nguyễn Nghi Văn	06/04/2004	CCQ2218A		<i>Văn</i>	8.0	9.0	8.6
42	2122180033	Nguyễn Thành Vạn	19/02/2004	CCQ2218A		<i>Vạn</i>	8.0	9.0	8.6
43	2122180058	Lê Hùng Vương	12/08/2004	CCQ2218B		<i>Vương</i>	10.0	9.0	9.4